PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2014/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2014*

NGHỊ ĐỊNH
Về Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

Chính phủ ban hành Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014, thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia được ban hành kèm theo Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

(Ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Chức năng của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

Tên giao dịch quốc tế của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia là National Foundation for Science and Technology Development, viết tắt là NAFOSTED.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ

Quỹ là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tại các ngân hàng trong nước. Quỹ có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội, văn phòng đại diện ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác.

Điều 3. Đối tượng tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ, cấp kinh phí của Quỹ

1. Đối tượng tài trợ: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất, bao gồm:

a) Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản;

b) Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng;

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng.

2. Đối tượng cho vay: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống do tổ chức, cá nhân đề xuất.

3. Đối tượng bảo lãnh vốn vay: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên biệt.

4. Đối tượng hỗ trợ: Các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

5. Đối tượng cấp kinh phí: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, bao gồm:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ của Quỹ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay của Quỹ được xét chọn công khai, dân chủ, bình đẳng thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ do Quỹ thành lập. Trong trường hợp cần thiết, Quỹ lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

Hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia được xem xét hỗ trợ công khai, dân chủ, bình đẳng theo các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quỹ thực hiện quản lý chất lượng nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế. Nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ không được trùng lắp với các nghiên cứu đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn vốn của Quỹ hoặc nguồn vốn khác của Nhà nước.

3. Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và tương đương (có ý nghĩa tầm quốc gia hoặc liên ngành, vùng) do tổ chức, cá nhân đề xuất.

Điều 5. Điều kiện đăng ký tài trợ, vay vốn, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ của Quỹ

1. Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân đề xuất vay vốn, bảo lãnh vốn vay phải tuân theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ phải có chuyên môn phù hợp loại hình đề nghị hỗ trợ.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ

1. Tiếp nhận các nguồn vốn của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Tổ chức

thực hiện tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, cấp kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

2. Công bố các định hướng ưu tiên, nội dung, yêu cầu và thể thức cụ thể để mọi tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ.

3. Tổ chức việc xét chọn và thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia để Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ.

4. Kiểm tra, đánh giá về nội dung chuyên môn và tình hình thực hiện tài chính của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia được Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ.

5. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ.

Đánh giá kết quả, hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ.

6. Đình chỉ hoặc trình cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ, cấp kinh phí hoặc thu hồi kinh phí đã tài trợ, cho vay, hỗ trợ, cấp phát, từ chối trả nợ thay khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về sử dụng vốn của Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan.

7. Nhận ủy thác tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước giao và các nguồn lực khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

10. Quản lý tổ chức và cán bộ của Quỹ theo quy định của pháp luật.

11. Ban hành Quy chế hoạt động và các quy định khác phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

12. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, tổ chức quốc tế về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 7. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và Ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Hội đồng có 7 hoặc 9 thành viên là các nhà khoa học, nhà quản lý, đại diện doanh nghiệp có uy tín, có trình độ, hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm theo nhiệm kỳ 05 năm.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Quyết định phương hướng và kế hoạch hoạt động của Quỹ trên cơ sở các định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước;

b) Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ để tư vấn chuyên môn cho Quỹ;

c) Phê duyệt kế hoạch tài chính, báo cáo quyết toán năm của Quỹ do Giám đốc Quỹ trình;

d) Phê duyệt chương trình, đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ và kinh phí do Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay; nhiệm vụ và kinh phí cho hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ hỗ trợ;

đ) Phê duyệt kế hoạch và báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ;

e) Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

g) Ban hành các quy định quản lý hoạt động của Quỹ.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ 3 tháng 1 lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn; họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ hoặc khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự và phải do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền chủ trì;

b) Đối với các vấn đề cần quyết định giữa các phiên họp, Cơ quan điều hành Quỹ gửi tài liệu và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng;

c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thông qua. Nội dung và các quyết định của cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ tham gia đầy đủ các hoạt động theo quy chế của Hội đồng quản lý Quỹ; được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước. Các thành viên kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.

5. Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy của Cơ quan điều hành Quỹ và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ này.

6. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 9. Cơ quan điều hành Quỹ

Cơ quan điều hành Quỹ gồm Giám đốc Quỹ, các Phó giám đốc Quỹ, các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ và các văn phòng đại diện.

1. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng, phó đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ, văn phòng đại diện của Quỹ;

d) Được tham gia các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, được tham gia ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được biểu quyết.

2. Phó giám đốc Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Phó giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công.

3. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ và văn phòng đại diện của Quỹ là bộ phận giúp việc của Giám đốc Quỹ, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định trên cơ sở thống nhất đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ.

Điều 10. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ có từ 3 đến 5 thành viên, gồm Trưởng Ban, Phó trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó giám đốc Quỹ. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ phải là những người có trình độ chuyên môn, am hiểu về các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng và pháp luật, hoạt động kiêm nhiệm theo nhiệm kỳ 05 năm.

2. Ban Kiểm soát Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về tình hình thực hiện Điều lệ của Quỹ, các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Hoạt động độc lập theo chương trình đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

c) Xem xét, trình cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ hoặc thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ được ủy quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, phát biểu ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ có nhiệm vụ tham gia đầy đủ các hoạt động theo quy chế; được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 11. Hội đồng khoa học và công nghệ

1. Hội đồng khoa học và công nghệ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn đánh giá xét chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay; đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ; xác định hướng nghiên cứu và các vấn đề liên quan khác.

2. Thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ là những nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, có trình độ chuyên môn cao, được lựa chọn từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ trên cơ sở thành tích chuyên môn và tín nhiệm của các nhà khoa học, nhà quản lý trong cùng lĩnh vực chuyên môn.

3. Hội đồng khoa học và công nghệ hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Chương III
NGUỒN VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 12. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn từ nguồn ngân sách nhà nước:

a) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp vốn điều lệ cho Quỹ là 500 tỷ đồng để tài trợ, hỗ trợ, cho vay, chi hoạt động quản lý của Quỹ và được bổ sung hàng năm để bảo đảm mức vốn ít nhất 500 tỷ đồng. Nguồn ngân sách này được cấp cho Quỹ vào tháng 01 và tháng 7 hàng năm theo kế hoạch tài chính được phê duyệt;

b) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý;

c) Ngân sách thực hiện bảo lãnh vốn vay các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên biệt;

d) Các nguồn ngân sách khác.

2. Vốn ngoài ngân sách:

a) Thu từ kết quả hoạt động của Quỹ: Các khoản lãi cho vay, phí bảo lãnh vốn vay, lãi tiền gửi và các khoản thu khác;

b) Các khoản đóng góp tự nguyện, hiến tặng của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

c) Đóng góp từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước và đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;

d) Các nguồn hợp pháp khác.

Điều 13. Phương thức tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ của Quỹ

1. Tài trợ không hoàn lại hoặc một phần cho việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đề xuất quy định tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ này.

2. Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, bao gồm:

a) Tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế của nhà khoa học trẻ;

b) Nghiên cứu sau tiến sỹ;

c) Thực tập nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;

d) Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam;

đ) Tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo chuyên ngành quốc tế;

e) Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế;

g) Nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước;

h) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng;

i) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ tài trợ, hỗ trợ.

3. Cho vay không lấy lãi hoặc lãi suất thấp đối với dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống:

a) Cho vay không lấy lãi đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước và có tạo việc làm, thu nhập

cho từ 500 lao động trực tiếp trở lên tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Cho vay với lãi suất bằng 70% lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước trong từng thời kỳ đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước không thuộc quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước trong từng thời kỳ đối với các dự án ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ nước ngoài;

d) Tổng vốn cho vay hằng năm không quá 20% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng dư nợ cho vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng vốn vay hằng năm đối với các dự án quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này không quá 2/3 vốn cho vay của năm đó theo kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

4. Bảo lãnh vốn vay đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên biệt do Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện với nguồn vốn riêng.

5. Hoạt động cho vay, bảo lãnh vốn vay quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này được Quỹ thực hiện thông qua hình thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Quỹ tổ chức đánh giá, xét chọn nhiệm vụ cho vay, bảo lãnh vốn vay theo các tiêu chí khoa học và công nghệ.

Điều 14. Tổ chức thực hiện tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ của Quỹ

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kế hoạch của Quỹ được phê duyệt, Quỹ thông báo công khai phương hướng, các lĩnh vực ưu tiên và các quy định về việc tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, doanh nghiệp Việt Nam muốn được tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ phải nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Quỹ thực hiện tổ chức đánh giá, quyết định tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ như sau:

a) Đối với hồ sơ đề nghị tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, Hội đồng khoa học và công nghệ thực hiện đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tư vấn để Quỹ quyết định việc tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay;

b) Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Việc tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay của Quỹ cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo hợp đồng giữa Quỹ với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

5. Việc đánh giá giữa kỳ, đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ được thực hiện theo hợp đồng, quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và của Quỹ.

Điều 15. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua Quỹ

1. Quỹ cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý quy định tại Khoản 5 Điều 3 Điều lệ này. Việc cấp kinh phí căn cứ vào hợp đồng giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Kinh phí được cấp phù hợp với tiến độ của hợp đồng theo đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu quyết toán kinh phí cấp phát, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Việc quản lý kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ và các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ Quỹ

Tổ chức, cá nhân nhận tài trợ, hỗ trợ, vay vốn của Quỹ; được bảo lãnh vốn vay, cấp kinh phí thông qua Quỹ có trách nhiệm:

1. Sử dụng kinh phí đúng mục đích theo dự toán đã được phê duyệt;

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, quy định pháp luật về quản lý khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan;

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được công bố theo quy định của Quỹ, Bộ Khoa học và Công nghệ; đăng ký, lưu giữ theo quy định hiện hành.

Điều 17. Chế độ tài chính, kế toán

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Hàng năm, Quỹ lập dự toán nguồn thu và dự kiến chi đối với hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ và hoạt động quản lý của Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

3. Hàng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

5. Quỹ được áp dụng quy định tự chủ về biên chế và tài chính theo chế độ hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công.

6. Chi hoạt động quản lý của Quỹ được sử dụng cho hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành Quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý các hoạt động tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, cấp kinh phí thông qua Quỹ.

2. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng